

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 24-5-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S; cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Ngân hàng T Chi nhánh Sóc Trăng và Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T (có mặt).

- Bị đơn: Anh Mai Hoàng T; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Ngày 15/6/2017, anh Mai Hoàng T ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD880201700449 với Ngân hàng T Chi nhánh Sóc Trăng để vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay phục vụ tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu, mỗi kỳ trả 4.170.000 đồng cố định vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 3.970.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn, kỳ hạn trả lãi được trả vào ngày 10 hàng tháng cùng với tiền gốc, lãi vay được tính theo dư nợ thực tế, lãi suất cho vay 12.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất vay được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã trả cho Ngân hàng được 04 kỳ với tổng số tiền gốc 16.680.000 đồng, tổng số tiền lãi 9.989.022 đồng. Sau đó anh T không thanh toán tiếp cho Ngân hàng. Anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HĐTD880201700449 từ ngày 10/11/2017, nên nợ vay đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/5/2021, anh T còn nợ Ngân hàng nợ vay gốc và lãi 360.462.663 đồng, trong đó: nợ gốc 233.320.000 đồng, lãi trong hạn 66.126.007 đồng, lãi quá hạn 61.016.656 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc anh Mai Hoàng T có trách nhiệm hoàn trả hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD880201700449 ngày 15/6/2017 tính đến ngày 24/5/2021 là 360.462.663 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh T trả tất nợ cho Ngân hàng T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm anh T vắng mặt, anh T không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy rút tiền ngày 15/6/2017, khách hàng Mai Hoàng T (bản sao y); Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ khách hàng Mai Hoàng T ngày 15/6/2021 (bản sao có chứng thực); Hợp đồng tín dụng số: HĐTD880201700449, ngày 15/6/2017 (bản sao có chứng thực); Báo cáo chi tiết nợ quá hạn Mai Hoàng T (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân Mai Hoàng T (bản photo); Sổ hộ khẩu tên Mai Hoàng Đ (bản photo); Mẫu xác nhận thông tin cán bộ nhân viên (bản photo); Quyết định số 433/QĐ-CAT ngày 30/5/2016 về việc thăng cấp, nâng lương cấp bậc hàm sĩ quan nghiệp vụ (bản photo); Bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp khác (bản photo).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Mai Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số HĐTD880201700449 ngày 15/6/2017 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và anh Mai Hoàng T. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD880201700449 ngày 15/6/2017 tính đến ngày 24/5/2021 là 360.462.663 đồng, trong đó: nợ gốc 233.320.000 đồng, lãi trong hạn 66.126.007 đồng, lãi quá hạn 61.016.656 đồng. Theo Giấy rút tiền ngày 15/6/2017, tên khách hàng Mai Hoàng T; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ khách hàng Mai Hoàng T ngày 15/6/2021 và Hợp đồng tín dụng số: HĐTD880201700449, ngày 15/6/2017 thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 15/6/2017, lãi suất 12,5%/năm, lãi quá hạn 150 lãi suất trong hạn, lãi suất vay được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày, mục đích vay phục vụ tiêu dùng. Sau khi vay tiền, bị đơn đã trả được một phần tiền vay gốc và lãi theo định kỳ, sau đó bị đơn không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD880201700449 ngày 15/6/2017, nên việc Ngân hàng yêu cầu anh T trả hết nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt

Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc anh Mai Hoàng T trả cho Ngân hàng T tiền vay gốc và lãi 360.462.663 (ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó: nợ gốc 233.320.000 (hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi ngàn) đồng, lãi trong hạn 66.126.007 (sáu mươi sáu triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm lẻ bảy) đồng, lãi quá hạn 61.016.656 (sáu mươi một triệu, không trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 25/5/2021 anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Hoàng T phải nộp 18.023.133 (mười tám triệu, không trăm hai mươi ba ngàn, một trăm ba mươi ba) đồng; Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.400.000 (tám triệu, bốn trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003055 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan